CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13

Số: 416 - LICOGI 13

V/v: Phát hành thay thế trang Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Do có sự sai sót về mẫu biểu báo cáo tài chính, cụ thể là số thứ tự trên thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016, Công ty Cổ phần Licogi 13 xin phép Quý Ủy ban và Quý Sở cho chúng tôi được phát hành lại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đính kèm tại trang 02, trang 03 của Công văn này, thay thế cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã gửi Quý Sở trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Công ty Cổ phần Licogi 13 xin trân trọng cảm ơn Quý Ủy ban và Quý Sở đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi trong việc thay thế lại trang Báo cáo tài chính này.

Trân trọng.

Xác nhận của Công ty kiểm toán
Công ty TNHH Kiểm toán ASC
Phó Tổng giám đốc

M.S.D.N: 0102902085 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN ASC - Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Trần Thị Hạnh

Công ty Cổ phần Licogi 13
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng giám đốc

S.Đ.K.K.D: 0100106426 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Văn Thăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp
Cho kỳ kế toán từ 01/01 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	***10.599.208.352***	***18.977.159.579***
2. Điều chỉnh cho các khoản		***21.625.505.000***	***40.490.606.954***
+ Khấu hao tài sản cố định	02	11.938.815.277	15.557.034.972
+ Các khoản dự phòng	03	900.000.000	3.293.636.364
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ	4		
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.042.786.765)	(184.153.949)
+ Chi phí lãi vay	06	20.829.476.488	21.824.089.567
+ Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	***32.224.713.352***	***59.467.766.533***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(60.307.239.052)	60.240.178.884
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	29.612.028.549	(5.648.528.861)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(17.325.517.076)	(141.886.908.282)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.651.817.275	9.644.261.536
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.116.462.226)	(20.894.460.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.112.522.875)	(13.749.493.473)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.781.501.283	1.327.024.247
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.684.640.933)	(1.177.284.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(41.276.321.704)**	**(52.677.445.224)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33.678.150.419)	(11.796.419.664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22	7.013.636.363	2.436.932.923
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(250.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.500.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.824.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.968.420.768	1.042.138.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(17.372.093.288)**	**(8.317.348.228)**

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	460,439,948,044	514,012,831,949
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-417,983,577,709	-435,526,814,269
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-919,644,493	-490,456,972
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-1,069,825,000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	**40**	**41,536,725,842**	**76,925,735,708**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**-17,111,689,150**	**15,930,942,256**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**31,041,980,441**	**13,267,593,541**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**13,930,291,291**	**29,198,535,797**

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lại Thị Thơ	Nguyễn Thị Thơm	Phạm Văn Thăng